

Số: 66 /2015/QĐ-UBND

Long An, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định giá dịch vụ xe ra, vào
bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;
Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của liên Bộ: Tài chính - Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;
Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại tờ trình số 2514/TTr-SGTVT ngày 24/12/2015; và ý kiến của Sở Tài chính tại công văn số 3839/STC-GCS ngày 11/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách, bãi đỗ xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GTVT; Bộ Tài Chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Phòng NCKT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;

PD-SGT-GIA DICH VU XE O TO KHACH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Lâm

QUY ĐỊNH

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Long An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2015/QĐ-UBND
ngày 30 /12 /2015 của UBND tỉnh Long An)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định này quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách (gọi chung là bến xe khách) trên địa bàn tỉnh Long An.
2. Đối tượng áp dụng: quy định này áp dụng đối với các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách; đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có xe ra, vào các bến xe khách trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Phân loại bến xe khách

1. Bến xe khách được phân thành 6 loại, từ loại 1 đến loại 6 theo quy chuẩn tại Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật về bến xe khách.
2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, công bố loại bến xe khách trên địa bàn tỉnh Long An theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe khách

1. Đối với tuyến cố định

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe khách cho một chuyến xe (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng - VAT) được tính theo loại bến xe khách, cự ly tuyến hoạt động, theo số ghế thiết kế (bao gồm cả ghế của lái xe) và theo chuyến xe. Đối với xe giường nằm, mỗi giường được quy đổi bằng 1,5 ghế. Số ghế (giường) được tính theo số ghế (giường) ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

2. Đối với tuyến xe buýt

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe khách cho một chuyến xe (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng - VAT) được tính theo số ghế thiết kế của phương tiện (bao gồm chỗ đứng và chỗ ngồi) và theo chuyến xe. Số chỗ đứng và chỗ ngồi được tính theo số chỗ đứng và chỗ ngồi ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

Điều 4. Mức giá dịch vụ xe ra, vào bến xe khách

1. Đối với vận tải hành khách theo tuyến cố định:

STT	Loại bến xe khách	Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách (ĐVT: đồng/ghế/chuyến xe)	
		Tuyến có cự ly từ 100km trở xuống	Tuyến có cự ly trên 100km
01	Loại 1	2.700	3.200
02	Loại 2	2.565	3.040
03	Loại 3	2.430	2.880
04	Loại 4	2.295	2.720
05	Loại 5	2.160	2.560
06	Loại 6	2.025	2.400

2. Đối với vận tải hành khách theo tuyến xe buýt

Mức giá dịch vụ xe ra vào, bến xe khách từ loại 1 đến loại 6:

a) Đối với loại xe có thiết kế từ 50 chỗ trở xuống (bao gồm chỗ đứng và chỗ ngồi): 11.000 đồng/chuyến xe.

b) Đối với loại xe có thiết kế trên 50 chỗ (bao gồm chỗ đứng và chỗ ngồi): 13.000 đồng/chuyến xe.

Điều 5. Kiểm tra, khiếu nại, tố cáo

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc kiểm tra các bến xe khách trên địa bàn tỉnh và xử lý các trường hợp vi phạm của các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách, các đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, tuyến buýt và những người có liên quan khác có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đối với những hành vi vi phạm quy định này.

Điều 6. Xử lý vi phạm

1. Đối với đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách

Việc thu vượt mức giá dịch vụ ra, vào bến xe khách tại quy định này được xem là hành vi vi phạm, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

a) Việc thực hiện giá dịch vụ xe ra, vào bến xe khách được thể hiện trong hợp đồng giữa đơn vị kinh doanh vận tải và đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách theo quy định.

b) Các hành vi vi phạm trong việc thực hiện hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo nội quy khai thác tuyến hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh mới, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm